TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/7/2024.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh

Bà Mai Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 156/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Chu Thị Đ**, sinh năm 1996,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư S P, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

Người được chị Đ ủy quyền giao, nhận văn bản: Chị **Vũ Thị C**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn V**, sinh năm 1988,

Địa chỉ: Khu dân cư S P, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị Đ, anh V và chị C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Chu Thị Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và Phạm Văn V tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/3/2016. Sau khi kết hôn, chị Đ chuyển về nhà anh V sinh sống cùng

gia đình nhà chồng. Năm 2018, để phát triển kinh tế gia đình, chị đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi nên không có sự gần gũi chia sẻ, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, ít quan tâm đến nhau. Anh V là người chồng nhưng không biết chăm lo vun vén cho gia đình, nên vợ chồng luôn bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã, xảy ra xung đột. Ngày 15/02/2024 chị có về nước nghỉ phép nhưng không về nhà anh V chung sống, mà ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn M, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang đến ngày 25/3/2024, chị hết hạn nghỉ phép đã quay trở lại Đài Loan làm việc. Chị và anh V sống ly thân đã lâu, mặc dù đã được gia đình hai bên động viên khuyên bảo nhưng không được. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V để sớm ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung là cháu Phạm Tiến N, sinh ngày 08/3/2017, hiện nay cháu đang sinh sống ổn định cùng với bố đẻ là anh V nên chị đề nghị tiếp tục giao con cho anh V chăm sóc con chung đến khi trưởng thành và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Phạm Văn V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Chu Thị Đ tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Ủ, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/3/2016. Sau khi kết hôn, chị Đ chuyển về nhà anh sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì chị Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Vợ chồng xa cách, nên đôi khi xảy ra mâu thuẫn, chị Đ có nói chuyện một vài lần với anh về việc ly hôn, vì muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình nên anh đã trao đổi để chị Đ về Việt Nam chung sống nhưng chị Đ không đồng ý. Nay chị Đ kiên quyết xin ly hôn thì anh nhất trí theo yêu cầu đơn phương xin ly hôn của chị Đ.

- Về con chung: Anh và chị Đ có 01 con chung là cháu Phạm Tiến N, sinh ngày 08/3/2017, hiện nay cháu đang sinh sống ổn định cùng với anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Đ tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng, anh nhất trí.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của con chung:

Cháu Phạm Tiến N, sinh ngày 08/3/2017 trình bày: Cháu hiện nay đang sống cùng với bố và được bố chăm sóc chu đáo, vui vẻ và mẹ cháu đi nước ngoài cũng vẫn thường xuyên nói chuyện với cháu. Cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố và được bố chăm sóc như từ trước đến nay.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Đ có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh V có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Chu Thị Đ ly hôn anh Phạm Văn V; Giao cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phạm Tiến N1, sinh ngày 08/3/2017 thời gian từ tháng 7/2024 đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung của chị Đ là 2.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Chu Thị Đ khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Phạm Văn V. Chị Đ hiện nay đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Anh V có địa chỉ tại thành phố C, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Chị Đ vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị xử vắng mặt, anh V có đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Đ, anh V.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Đ và anh Phạm Văn V tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/3/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Đ chuyển về nhà anh V sinh sống cùng gia đình nhà chồng, vợ chồng chung sống hòa thuận. Đến năm 2018, để phát triển kinh tế gia đình chị đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi nên không có sự gần gũi chia sẻ, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Ngoài ra chị Đ cho rằng, anh V là không biết chăm lo vun vén cho gia đình, nên vợ chồng luôn bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã, xảy ra xung đột. Chị Đ và anh V sống

ly thân đã lâu, mặc dù đã được gia đình hai bên động viên khuyên bảo nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh V cũng đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Đ và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị Đ được ly hôn anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Đ và anh V có 01 con chung là cháu Phạm Tiến N1, sinh ngày 08/3/2017, hiện nay cháu đang sinh sống ổn định cùng với anh V. Chị Đ đề nghị tiếp tục giao con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của anh V, nguyện vọng của con chung và chị Đ cũng tự nguyện cấp dưỡng nuôi hàng tháng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi được chăm sóc tốt nhất cho con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Chu Thị Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Ghị nhận sự tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng của chị Đ, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tòa án chỉ ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của chị nên chị Đ không phải chịu án phí cấp dưỡng.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị Đ được ly hôn anh Phạm Văn V.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 con chung là Phạm Tiến N1, sinh ngày 08/3/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng của chị Đ là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng

7/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Chị Chu Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Chu Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0000562 ngày 03/4/2024 (chị Đ đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Anh V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Phả Lại, thành phố Chí Linh (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường